

Bản án số:15/2018/DS-PT

Ngày: 30-01-2018

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thúy Phương

Bà Trần Thị Thanh Tuyết

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 09/2018/QĐ-DSPT ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Quang N - sinh năm 1973.

2. Bà Phạm Thị Cẩm V - sinh năm 1977.

Cùng cư trú tại: Số 258 đường 22/8 tổ T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Ông N ủy quyền cho bà V theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/01/2018. Bà V có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1982.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm 1988.

3. Ông Nguyễn Đ - sinh năm 1945.

4. Bà Bùi Thị Đ - sinh năm 1950.

Cùng cư trú tại: Số 28 đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (Ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/8/2017); bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt; ông Nguyễn Văn C có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C - Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác là ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Quang N và bà Phạm Thị Cẩm V có nhận ông Nguyễn Văn C vào làm việc tại Garage ô tô Phú Tài vào tháng 7 năm 2016. Khi vào làm việc được vài tháng, ông C và gia đình gặp khó khăn nên cần mượn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và có viết giấy mượn tiền ngày 02/10/2016; ông C, bà T, ông Đ, bà Đ đã ký giấy mượn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Theo giấy mượn tiền các bên thỏa thuận khoản nợ được trừ dần vào tiền lương của ông C là: 1.000.000 đồng (một triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi trả hết nợ với điều kiện ông C phải làm việc tại garage ô tô Phú Tài. Nếu ông C không làm việc tại garage ô tô Phú Tài nữa thì phải có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ một lần toàn bộ số tiền đã mượn cho vợ chồng ông N, bà V.

Ông C đã nghỉ làm việc tại garage ô tô Phú Tài từ đầu năm 2017 và không chịu trả tiền. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị

Ngọc T, ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ trả một lần toàn bộ số tiền: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Lãi suất không yêu cầu giải quyết.

Trong thời gian làm việc tại garage ô tô Phú Tài, ông C có mượn thêm 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) của ông N, bà V, số tiền này hai bên không lập giấy tờ cho mượn tiền nên phía nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền : 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) .

* Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Văn C trình bày: Trong quá trình làm việc ở garage ô tô Phú Tài tại Cam Ranh ông C thừa nhận ông và gia đình có mượn của vợ chồng ông Nguyễn Quang N và bà Phạm Thị Cẩm V nhiều lần với tổng số tiền là: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Việc vay mượn này có viết giấy mượn tiền vào ngày 02/10/2016, chữ viết trên giấy mượn tiền ngày 02/10/2016 là do ông C viết và ký.

Nay, ông N và bà V yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ trả một lần số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), ông C đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, công việc hiện chưa ổn định nên ông C xin trả dần số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mỗi tháng vào ngày 07 dương lịch hàng tháng cho đến khi trả hết nợ.

* Theo bản tự khai ngày 07/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 05/9/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn C.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định:

Căn cứ Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ.

1. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V số tiền nợ là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Nghĩa vụ mỗi người là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 và ngày 25 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Văn C là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác là ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo hướng khoản nợ trên chỉ vợ chồng ông Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm, không liên quan gì đến bố mẹ ông C. Ông Nguyễn Văn C xin được trả dần số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), mỗi tháng trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Cẩm V là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu các bị đơn phải liên đới trả cho các nguyên đơn một lần số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng);

Ông Nguyễn Văn C - bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác là Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ vẫn xác định còn nợ nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) như bản án sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, ông C khẳng định chỉ có vợ chồng ông C chịu trách nhiệm mượn và trả số tiền trên, không liên quan gì đến ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ. Ông Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho vợ chồng ông được trả số tiền trên mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh gia đình ông hiện nay rất khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, sửa một phần Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm của các bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ là ông Nguyễn Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn C được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc T.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác là ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ.

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C thừa nhận ông và các bị đơn khác là ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã ký Giấy mượn tiền ngày 02 tháng 10 năm 2016 với số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) như nội dung tài liệu giấy mượn tiền do ông Nguyễn Quang N và bà Phạm Thị Cẩm V xuất trình. Ông Nguyễn Văn C cho rằng việc bố mẹ ông Nguyễn Văn C ký vào Giấy mượn tiền chỉ nhằm mục đích bảo đảm cho số tiền vay của ông C chứ không có nghĩa vụ phải liên đới trả số tiền trên cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho yêu cầu của mình; đại diện nguyên đơn cũng không đồng ý với lời trình bày này của ông Nguyễn Văn C. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở xác định các bên đã thống nhất, tự nguyện ký vào Giấy mượn tiền ngày 02 tháng 10 năm 2016 do vậy giấy mượn tiền này là một giao dịch hợp pháp và cần được pháp luật công nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Nguyễn Văn C.

[2.2] Về phương thức trả nợ: Yêu cầu của ông Nguyễn Văn C xin được trả dần khoản nợ trên mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Căn cứ Giấy mượn tiền lập ngày 02 tháng 10 năm 2016 thì ông Nguyễn Văn C chỉ được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) với điều kiện là ông Nguyễn Văn C phải làm việc tại Garage của ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V; nếu ông Nguyễn Văn C nghỉ việc thì phải trả đủ số tiền còn nợ trước khi nghỉ. Thực tế ông Nguyễn Văn C đã không còn làm việc tại Garage của ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V và cũng không trả nợ như đã thỏa thuận. Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Cẩm V cũng không đồng ý với phương thức trả nợ do ông Nguyễn Văn C đưa ra; ông Nguyễn Văn C cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc được phép trả dần số nợ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Nguyễn Văn C.

[2.3] Về án phí: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, các bị đơn đã có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Hội

đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ông Nguyễn Đ sinh năm 1945, bà Bùi Thị Đ sinh năm 1950. Đến thời điểm xét xử thì ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ đã quá 60 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét miễn án phí dân sự cho họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ.

Đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc T tuy đã có đơn xin miễn, giảm án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N xác nhận nhưng không thuộc trường hợp gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí nên không có căn cứ để miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi 2009;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Sửa một phần Bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Nguyễn Quang N và bà Phạm Thị Cẩm V. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho các nguyên đơn ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V số tiền nợ là 70.000.000 đồng

(bảy mươi triệu đồng). Cụ thể: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V số tiền là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 437.500 đồng (bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông Nguyễn Văn C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007760 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, ông Nguyễn Văn C còn phải chịu 137.500 đồng (một trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 437.500 đồng (bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm phải nộp.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Quang N và bà Phạm Thị Cẩm V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 đồng (một triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007145 ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

Quy Định: Kể từ khi ông Nguyễn Quang N, bà Phạm Thị Cẩm V có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Đ, bà Bùi Thị Đ chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị Đ còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- THADS thành phố N;
- Tòa án nhân dân thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh